

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

Số: 86/2021/DS-ST

Ngày 12/10/2021

Về việc: “Tranh chấp lỗi đi”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Tài

2. Bà Lương Thị Kim Anh

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Việt – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 10 năm 2021 tại hội trường TAND thị xã Điện Bàn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2021/TLST-DS, ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc: “Tranh chấp lỗi đi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 7 năm 2021 giữa

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng N - Sinh năm 1975

Địa chỉ: Khối HMT, phường ĐD, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Bà Nguyễn Thị Mộng N ủy quyền cho ông Lê Ngọc X đại diện

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N có Luật sư Lê Ngọc X – Văn phòng Luật sư TH – thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng

(bà N và ông X có mặt)

2/Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1949 (có mặt)

Địa chỉ: Khối HMT, phường ĐD, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân phường ĐD

Địa chỉ trụ sở chính: Khối HMT, phường ĐD, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Quang C- Chức vụ: Công chức địa chính (ông C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng N trình bày: Vào năm 2003 sau khi lập gia đình, vợ chồng bà N ra ở riêng và được ông Nguyễn Th (nay đã chết) cho làm nhà ở trên đất của Nhà nước do ông Th khai hoang. Trước khi bà N dọn đến ở khu vườn này có nhà của ông Th và một số hộ dân khác cũng đã sử dụng lối đi này để đi ra đường công cộng, lúc đó là đường đất bằng phẳng và đã có lối mòn. Sau đó ông Th dọn nhà đi nơi khác và cho bà N khu vườn này nên bà N làm nhà ở và tiếp tục sử dụng lối đi này từ năm 2003.

Quá trình sử dụng đất bà N tiến hành lập hồ sơ đăng ký đất đai theo quy định để được cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích đã sử dụng từ năm 2003. Đến năm 2015 thửa đất bà N sử dụng được hội đồng xét cấp đất phường ĐD xét duyệt và được UBND thị xã Điện Bàn cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà N diện tích 300m², thửa đất số 891, tờ bản đồ số 9, cấp ngày 09/02/2018. Sau đó bà N tiến hành lập thủ tục cấp đổi được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CO 083759 ngày 13/9/2018, thửa đất số 891, diện tích 300m²; mục đích sử dụng đất ở đô thị.

Theo sơ đồ thửa đất thể hiện trong các giấy chứng nhận QSD đất thì về phía Nam thửa đất có một con đường đất chiều rộng 3m nối với lối đi đang tranh chấp nối với đường chính của khu dân cư. Trên thực tế con đường đất 3m trước mặt nhà bà N nối dài tiếp giáp với lối đi đang tranh chấp và đi thẳng ra đường bê tông 773, lối đi này ông Th đã sử dụng trước đó, năm 2003 khi bà N dọn về đây làm nhà sinh sống thì tiếp tục sử dụng lối đi này, đây là lối đi duy nhất từ nhà bà N đi ra đường công cộng 773. Tuy nhiên đến năm 2018 do hai bên mâu thuẫn nên bà Th tự ý rào lưới B40 bít 2 đầu lối đi không cho bà N đi, không còn lối đi nào khác nên bà N phải đi tạm qua thửa đất thổ cư (đất trồng) của một người dân để đi ra đường công cộng. Sau đó bà N khiếu nại và khởi kiện.

Nay bà N yêu cầu bà Th phải tháo dỡ rào lưới B40 trả lại lối đi duy nhất cho bà N với diện tích 39,3m².

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: Nguyên trước giải phóng cha, mẹ bà Th là bà Lê Thị D và ông Nguyễn X đã khai hoang, vỡ hoá đất để làm một ngôi nhà tạm sinh sống và trồng hoa màu trên mảnh đất này. Đến khoảng năm 1960 mẹ bà Th chết, năm 1967 cha bà Th chết. Sau khi cha, mẹ chết thì bà Th tiếp tục sống cùng chú ruột Nguyễn C trên ngôi nhà và mảnh vườn do cha, mẹ khai hoang để lại. Quá trình sử dụng đất bà Th không kê khai, đăng ký nên chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích mà cha, mẹ khai hoang để lại. Đến khoảng năm 1982 bà Th đến ở tại khu vườn khác đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất và hiện nay đang sống trên khu vườn này, phần đất của cha mẹ bà Th khai hoang để lại do ông Nguyễn C tiếp tục quản lý, sử dụng để trồng cây như đậu, cà, thuốc lá, khoai lang, sắn, riêng ngôi nhà tạm của cha, mẹ bị hư hỏng không còn.

Sau này ông C đã kê khai, đăng ký toàn bộ diện tích đất do cha, mẹ bà Th khai hoang nhưng Nhà nước chỉ cấp giấy chứng nhận QSD đất diện tích 200m², thửa đất số 28/1995, tờ bản đồ số 9 tên Nguyễn C và diện tích 200m², thửa đất số 28/1994, tờ bản

đồ số 9 tên Nguyễn Thanh H (Nguyễn Thanh H là con trai ông C và 2 thửa đất này sau đó ông C, ông H đã chuyển nhượng lại cho con trai bà Th là Nguyễn Thành Tr), đồng thời toàn bộ diện tích đất do cha, mẹ bà Th khai hoang còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất ông C đã giao lại cho bà Th tiếp tục quản lý, sử dụng đến nay (trong đó có lối đi diện tích 39,3m²).

Đến năm 2018 bà Th bị mất một số cây dương liễu (thông) nên đã xây tường gạch cao khoảng 30cm (chưa tô), trồng trụ bê tông và kéo lưới B40 để rào chắn xung quanh toàn bộ phần đất do cha, mẹ khai hoang để lại nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất (trong đó có diện tích đang tranh chấp là lối đi), khi tiến hành rào chắn bà N không có ý kiến gì. Sau đó bà Th xây dựng một kho chứa đồ trên phần đất do cha, mẹ khai hoang để lại thì bà N không cho xây dựng và khiếu nại.

Bà Th thừa nhận vào năm 2018 bà Th đã dùng lưới B40 để rào bít hai đầu lối đi mà bà N đã sử dụng từ khi dọn về làm nhà ở (lối đi đang tranh chấp), lối đi này đi từ nhà bà N đi qua nhà của một số hộ dân khác đi thẳng ra đường bê tông 773. Sở dĩ bà Th dùng lưới B40 để rào bít 2 đầu chắn lối đi với diện tích 39,3m² là do đất này của Nhà nước nhưng cha, mẹ đã khai hoang để lại cho bà Th quản lý, sử dụng từ trước đến nay, bà N muốn sử dụng lối đi này phải trả tiền cho bà Th. Trên phần đất tranh chấp diện tích 39,3m² có tài sản của bà Th gồm lưới B40.

Nay bà N yêu cầu bà Th phải trả lối đi diện tích 39,3m², bà Th đồng ý trả lối đi diện tích 39,3m² cho bà N nhưng bà N phải bồi thường tiền công khai hoang, quản lý đất đai từ trước đến nay của bà Th với số tiền 60.000.000đ.

UBND phường ĐD do ông Phạm Quang C đại diện trình bày tại lời khai có trong hồ sơ vụ án như sau: Khoảng năm 2003 bà N có nhu cầu về đất ở nên đã tự ý sử dụng phần đất thuộc thửa đất hoang BCS28 của Nhà nước do UBND phường ĐD quản lý để xây dựng nhà ở sinh sống, nhưng đến năm 2017 bà N mới tiến hành lập hồ sơ, thủ tục để xem xét và cấp giấy chứng nhận QSD đất vào ngày 13/9/2018, thửa đất số 891, tờ bản đồ số 09, diện tích 300m².

Theo hồ sơ địa chính đất đai hiện nay UBND phường ĐD đang quản lý thể hiện: Thửa đất số 891, tờ bản đồ số 09, diện tích 300m² Nhà nước cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà N vào năm 2018 thuộc thửa đất số BCS28, tờ bản đồ số 9, loại đất hoang, hồ sơ địa chính được xác lập năm 1985 theo Chỉ thị 299/TTg thể hiện thửa Hg224, tờ bản đồ số 11 do Nhà nước quản lý.

Theo bản đồ 64 do Trung tâm Đo đạc Sở Địa chính Quảng Nam-Đà Nẵng đo đạc năm 1993 không thể hiện con đường. Trước thời điểm bà N dọn đến thửa đất này làm nhà sinh sống thì lối đi hiện nay đang tranh chấp là mương nước tự nhiên, quá trình sử dụng thành con đường đất mòn. Con đường này nằm phía Tây nhà bà N đi qua nhiều hộ dân khác rồi đi thẳng tiếp nối với đường bê tông 773 (trong đó có phần đất đang tranh chấp). Lối đi đang tranh chấp là đất thuộc thửa BCS28, loại đất hoang của Nhà nước do UBND phường ĐD quản lý, việc bà Th tự ý rào chắn hoặc xây dựng trên đất của nhà nước là không đúng pháp luật.

Do bà Th bít 2 đầu lối đi của bà N nên bà N đi tạm qua đất trống đã cấp giấy chứng nhận QSD đất cho người khác để ra đường công cộng. Do đó UBND phường ĐD đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết để bà N có lối đi từ nhà ra đường công cộng theo đúng pháp luật.

Luật sư Lê Ngọc X - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N trình bày như sau: Phần lối đi diện tích 39,3m² là đất hoang thuộc thửa BSC28 của Nhà nước do UBND phường ĐD quản lý, bà Th tự lấn chiếm đất của Nhà nước rồi xây dựng tường rào lưới B40 để rào xung quanh (trong đó có phần đất lối đi đang tranh chấp) và cho rằng đất của bà Th khai hoang là vi phạm pháp luật. Lối đi này đã tồn tại rất lâu trước khi bà N dọn về đây làm nhà sinh sống, lối đi bắt đầu từ nhà bà N, đi qua nhà một số hộ dân khác đi thẳng ra đường bê tông 773 có độ dài hơn 500m, rất nhiều hộ dân đã đi trên con đường này, vì nhà của bà N ở cuối con đường nên bà Th đã tự ý rào lưới B40 để bít 2 đầu đoạn lối đi có độ dài 13,1m không cho bà N đi nên bà N phải xin đi tạm qua đất thổ cư của người khác để ra đường công cộng, sau này chủ đất xây dựng nhà ở thì bà N không được đi nữa, bà N không còn lối đi nào khác. Nhà nước đã cấp đất cho bà N sử dụng làm nhà ở thì phải có lối đi để bà N đi từ nhà ra đường công cộng. Do đó bà N yêu cầu mở lối đi từ nhà ra đường công cộng là đúng quy định của pháp luật. Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa bà Th thừa nhận lối đi diện tích 39,3m² là đất của Nhà nước và đồng ý trả lối đi diện tích 39,3m² cho bà N nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với việc bà Th yêu cầu bà N bồi thường công khai hoang đất với số tiền 60.000.000đ là không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận.

Tóm tắt ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Về giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà N, bà Th phải tháo dỡ toàn bộ tài sản đã xây dựng trái phép để trả lại cho bà N lối đi có diện tích 39,3m² rộng 3m, chiều dài 13,1m, không chấp nhận yêu cầu bồi thường số tiền 60.000.000đ của bà Th. Phần diện tích 2,7m² bà N có đơn xin rút một phần đơn kiện, đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với diện tích này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà N khởi kiện yêu cầu bà Th trả lại lối đi diện tích 39,3m². Đây là tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Đối tượng tranh chấp là bất động sản (lối đi) tại phường ĐD, thị xã Điện Bàn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông C đại diện UBND phường ĐD có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Vào năm 2003 bà N từ nơi khác đến làm nhà sinh sống trên thửa đất số BCS28, tờ bản đồ số 9, loại đất hoang của Nhà nước. Quá trình sử dụng đất bà N tiến hành lập hồ sơ đăng ký đất đai để được xem xét cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích đã sử dụng. Đến năm 2015 thửa đất bà N sử dụng được hội đồng xét cấp đất phường ĐD xét duyệt và được UBND thị xã Điện Bàn cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà N diện tích 300m², thửa đất số 891, tờ bản đồ số 9, cấp ngày 09/02/2018. Sau đó bà N tiến hành lập thủ tục để cấp đổi và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CO 083759 ngày 13/9/2018 thửa đất số 891, diện tích 300m²; mục đích sử dụng: Đất ở đô thị, nhưng thực tế bà N sử dụng diện tích tăng, phần diện tích sử dụng tăng không liên quan đến diện tích lối đi đang tranh chấp nên không xem xét.

Theo sơ đồ thửa đất thể hiện trong giấy chứng nhận QSD đất của bà N về phía Nam thửa đất số 891 có một con đường đất chiều rộng 3m. Trên thực tế con đường đất 3m trước nhà bà N hiện nay bà N đã lấn chiếm một phần để xây dựng sân và cổng ngõ, phần con đường còn lại nối dài tiếp giáp với lối đi đang tranh chấp và đi thẳng ra đường bê tông 773. Bà N sử dụng lối đi này từ lâu, nhưng đến năm 2018 do bà N và bà Th xảy ra mâu thuẫn nên bà Th tự ý dùng lưới B40 bít chặn 2 đầu lối đi, không cho bà N tiếp tục đi trên con đường này dẫn đến tranh chấp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được và theo UBND phường ĐD cung cấp: Bản đồ 64 do Trung tâm Đo đạc Sở Địa chính Quảng Nam-Đà Nẵng đo đạc năm 1993 không thể hiện con đường, nhưng thực tế lối đi đang tranh chấp trước đây là nương nước tự nhiên, quá trình sử dụng thành con đường đất mòn và một số hộ dân đã đi trên con đường này ra đường bê tông 773 trong đó có bà N. UBND phường ĐD xác định phần đất lối đi diện tích 39,3m² là đất thuộc thửa BCS28, loại đất hoang của Nhà nước do UBND phường ĐD quản lý, việc bà Th tự ý rào chắn và xây dựng tài sản trên đất của Nhà nước là không đúng pháp luật. Do bà Th bít 2 đầu lối đi của bà N nên bà N phải đi tạm qua đất trống đã cấp giấy chứng nhận QSD đất cho người khác để ra đường công cộng và UBND phường ĐD đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết để bà N có lối đi từ nhà ra đường công cộng theo đúng pháp luật. Đồng thời tại các phiên hòa giải và phiên tòa bà Th thừa nhận lối đi diện tích 39,3m² là đất của Nhà nước và đồng ý trả lại lối đi diện tích 39,3m² cho bà N. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là những tình tiết không phải chứng minh, do đó HĐXX chấp nhận việc bà Th tự nguyện trả lại lối đi diện tích 39,3m² cho bà N là đúng quy định của pháp luật.

Trên phần đất tranh chấp diện tích 39,3m² có tài sản của bà Th đã được định giá gồm: Lưới B40: 1,2m x 3,2m = 3,84m² trị giá thành tiền 96.000đ; Lưới B40: 2,2m x 3m = 6,6m² trị giá thành tiền 165.000đ, bà Th phải tháo dỡ tài sản có trên diện tích 39,3m².

Bà Th yêu cầu bà N phải trả tiền công khai hoang đất diện tích 39,3m² với số tiền

60.000.000đ. Xét lời nại của bà Th thấy rằng: Phần đất tranh chấp diện tích 39,3m² thuộc thửa BCS28 là đất hoang của Nhà nước nên không có giá, do đó Hội đồng định giá không xác định giá đất theo giá Nhà nước và diện tích đất tranh chấp chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, tổ chức nào nên không thực hiện giao dịch trên thị trường, do đó Hội đồng định giá không xác định được giá thị trường. Lối đi diện tích 39,3m² trước đây là mương nước tự nhiên, quá trình sử dụng thành con đường đất mòn, lối đi bằng phẳng không có đất bồi đắp nên không định giá. Tuy nhiên tại biên bản làm việc ngày 20/3/2019 và biên bản giải quyết tranh chấp đất đai ngày 07/10/2020 do UBND phường ĐD lập, hai bên thống nhất và được kết luận thực hiện nội dung sau: Con đường đi vào nhà bà N dài 13m, rộng khoảng 2,5m là con đường đi chung do UBND phường ĐD quản lý, các bên có trách nhiệm sử dụng chung, bà Th chừa lại con đường đi cho bà N, bà N hỗ trợ kinh phí cho bà Th theo mét vuông là 90.000đ/1m², diện tích hỗ trợ được đo đạc thực tế tại hiện trường, bà Th thống nhất nhận 50% số mét vuông của tổng diện tích phải mở đường, bà N phải hỗ trợ 50% số tiền trên tổng số mét vuông để mở đường. Do đó HXXD buộc bà N phải có nghĩa vụ hỗ trợ cho bà Th số tiền 1.768.500đ [(39,3m² x 90.000đ/2)]. Việc bà Th yêu cầu bồi thường số tiền 60.000.000đ là không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N phát biểu ý kiến cho rằng lối đi diện tích 39,3m² là đất hoang của nhà nước do UBND phường ĐD quản lý, lối đi được mọi người sử dụng từ rất lâu, việc bà Th tự ý rào chắn bít 2 đầu lối đi thuộc đất của nhà nước là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa bà Th đồng ý trả lối đi diện tích 39,3m² cho bà N nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận. Đối với việc bà Th yêu cầu bồi thường số tiền 60.000.000đ là không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận. Lời trình bày của Luật sư có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Trong đơn khởi kiện bà N yêu cầu bà Th trả lại lối đi diện tích 42m², đến ngày 28/6/2021 bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện diện tích 2,7m² và tại phiên tòa bà N vẫn giữ nguyên việc rút yêu cầu đối với diện tích 2,7m². Căn cứ Điều 244 BLTTDS Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu diện tích 2,7m².

[4] Về án phí và chi phí tố tụng: Bà Th là người cao tuổi theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 thì bà Th thuộc đối tượng được miễn án phí dân sự.

Đối với số tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản bà N đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong 3.785.000đ. Căn cứ Điều 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự bà Th phải chịu 3.785.000đ chi phí định giá tài sản, bà N đã nộp tạm ứng và chi phí xong nên bà Th phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà N.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 165, 166, khoản 1 Điều 227, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 166, 170, 171,

203 Luật Đất đai, Điều 245, 254 Bộ luật Dân sự, Luật Phí và lệ phí, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mộng N đối với bà Nguyễn Thị Th về việc: “Tranh chấp lối đi”.

Bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ tháo dỡ lưới B40 diện tích 10,44m² để trả cho bà Nguyễn Thị Mộng N lối đi diện tích 39,3m² có các cạnh như sau:

- Cạnh phía Đông giáp thửa đất 891 của bà N có độ dài: 3m
- Cạnh phía Tây giáp đường đất 3m có độ dài: 3m
- Cạnh phía Bắc giáp đất hoang tại thửa đất BCS28 có độ dài: 13,07m
- Cạnh phía Nam giáp đất hoang tại thửa đất BCS28 có độ dài: 13,13m

(kèm theo sơ đồ)

Buộc bà Nguyễn Thị Mộng N phải có nghĩa vụ hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Th số tiền: 1.768.500 đồng (một triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm đồng).

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng N đối với diện tích 2,7m²

Về án phí và chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Th được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mộng N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0002861 ngày 03/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mộng N số tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản đã nộp là: 3.785.000 đồng (ba triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa gửi đến.

Nơi nhận:

- Những người TGTT;
- VKS, THA;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Nhung